

Số: **23**/2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **09** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (Thông tư số 69/2021/TT-BTC);

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-VHXX ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm:

a) Các kỳ thi được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tuyển sinh đầu cấp; học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện/tỉnh; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 9 tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC gồm: Nghiên cứu khoa học kỹ thuật; học sinh giỏi toán và các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh; thi nghề phổ thông; thiết bị dạy học số; giáo viên dạy giỏi; nhân viên thư viện giỏi; làm đồ dùng dạy học; giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; bé khỏe, bé tài năng; thiết kế bài giảng điện tử; ngày hội Stem; giáo viên chủ nhiệm giỏi; giai điệu tuổi hồng; khảo sát chất lượng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

1. Mức chi tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ đối với các kỳ thi được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này)

2. Mức chi tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Các nội dung và mức chi liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này:

1. Chi phí thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có); giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia và khu vực: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND).

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly:

a) Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND.

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách) mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND.

4. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có), giáo viên (nếu có) và học sinh các đội tuyển tham dự đội tuyển cấp quốc gia và khu vực mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Mức chi theo ngày được tính cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản luật có liên quan. Các cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

a) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp thành phố tổ chức: sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp thành phố để thực hiện;

b) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp quận, huyện tổ chức: sử dụng nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp huyện để thực hiện;

c) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp trường tổ chức: sử dụng nguồn kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (giao tự chủ) của đơn vị để thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: GD và ĐT, TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ GD và ĐT, TC);
- TTTU, TT HĐND TP; UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND thành phố khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TTQU, TTHU các quận, huyện;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Báo HP, Đài PTTHHP;
- Công báo TP; Cổng TTĐT TP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VP, HSKH.



Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC I

Quy định mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi cho học sinh giỏi cấp huyện/thành phố các môn văn hóa; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia

(Kèm theo Nghị quyết số **23**/2022/NQ-HĐND ngày **09**/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; chọn học sinh giỏi cấp thành phố các môn văn hóa; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
I	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ thi cấp thành phố theo quy định tại khoản 4 điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC				
1	Hội đồng/Ban ra đề thi				
a	Chủ tịch/Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày		460	280
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày		370	230
c	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h	nghìn đồng /người/ngày		320	200
d	Ủy viên, thư ký bảo vệ vòng ngoài	nghìn đồng /người/ngày		190	115
2	Hội đồng/Ban in sao đề thi				
a	Chủ tịch/Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	460	460	280
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230

c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài.	nghìn đồng /người/ngày	190	190	115
đ	Trưởng ban/tổ trưởng vận chuyển đề thi	nghìn đồng /người/ngày	370	370	250
e	Thành viên vận chuyển đề thi	nghìn đồng /người/ngày	260	260	180
3	<i>Ban chỉ đạo thi</i>	nghìn đồng /người/ngày			
a	Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	460	460	290
b	Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	410	410	260
c	Ủy viên	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230
d	Thư ký	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
đ	Nhân viên phục vụ	nghìn đồng /người/ngày	190	190	115
4	<i>Hội đồng thi</i>				
a	Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	460	460	290
b	Phó Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230
c	Ủy viên	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
5	<i>Ban Thư ký Hội đồng thi</i>	nghìn đồng /người/ngày			
a	Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	460		
b	Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	370		

c	Ủy viên	nghìn đồng /người/ngày	320		
6	<i>Hội đồng/Ban coi thi</i>	nghìn đồng /người/ngày			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	460	460	290
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230
c	Ủy viên, thư ký, giám thị	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
d	Công an, bảo vệ, phục vụ	nghìn đồng /người/ngày	190	190	115
7	<i>Ban/Tổ làm phách</i>	nghìn đồng /người/ngày			
a	Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	460	460	290
b	Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230
c	Ủy viên, Thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài.	nghìn đồng /người/ngày	190	190	115
8	<i>Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thăm định bài thi</i>				
a	Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	460	460	290
b	Phó Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	370	370	230
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên.	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200
d	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, công an.	nghìn đồng /người/ngày	190	190	115
đ	Công an, bảo vệ vòng trong 24/24 giờ trước khi bàn giao cho các hội đồng	nghìn đồng /người/ngày	320	320	200

9	Chấm thi				
	Chấm bài thi tự luận/chấm thẩm định bài thi tự luận/bài thi trắc nghiệm/bài thi nói/bài thi thực hành/bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh THPT (<i>Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong mỗi ngày theo quy định</i>)	nghìn đồng /người/ngày	320	320	230
II	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi theo quy định tại điểm b,c,e khoản 9 điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC				
1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
a	Chủ trì	nghìn đồng /người/ngày		460	290
b	Thành viên	nghìn đồng /người/ngày		320	230
2	Tiền công đối với câu hỏi				
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	nghìn đồng/câu		25	13
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	nghìn đồng/câu		22	11
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	nghìn đồng/câu		18	9
d	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	nghìn đồng/câu		4	2
3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm				
a	Chủ trì	nghìn đồng /người/ngày		460	290
b	Thành viên	nghìn đồng /người/ngày		320	200

PHỤ LỤC II

Nội dung chi, mức chi tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác cấp thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; cấp huyện và các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc cấp huyện

(Kèm theo Nghị quyết số...**23** /2022/NQ-HĐND ngày **09**/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Các cuộc thi, hội thi khác cấp thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cuộc thi, hội thi khác cấp huyện	Các cuộc thi, hội thi thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc cấp huyện
1	2	3	4	5	6
1	Ban tổ chức				
	Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	280	230	200
	Phó trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	230	190	170
	Ủy viên, thư ký	nghìn đồng /người/ngày	200	160	140
	Y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ, bảo vệ	nghìn đồng /người/ngày	115	100	90
2	Hội đồng ra đề thi				
a	Chủ tịch/Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	280	230	200
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	230	190	170
c	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h	nghìn đồng /người/ngày	200	160	140
d	Ủy viên, thư ký bảo vệ vòng ngoài	nghìn đồng /người/ngày	115	100	90

3	Hội đồng thi				
a	Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	290	240	210
b	Phó Chủ tịch	nghìn đồng /người/ngày	230	190	170
c	Ủy viên	nghìn đồng /người/ngày	200	160	140
4	Hội đồng coi, chấm thi				
a	Chủ tịch/Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	290	240	210
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	nghìn đồng /người/ngày	230	190	170
c	Ủy viên, thư ký, giám thị, giám khảo, kỹ thuật viên	nghìn đồng /người/ngày	200	160	140
d	Công an, bảo vệ, phục vụ	nghìn đồng /người/ngày	115	100	90
5	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi				
5.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
a	Chủ trì	nghìn đồng /người/ngày	290	240	210
b	Thành viên	nghìn đồng /người/ngày	230	190	170
5.2	Tiền công đối với câu hỏi				
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	nghìn đồng/câu	13	10	9
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	nghìn đồng/câu	11	9	8
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	nghìn đồng/câu	9	7	6
d	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	nghìn đồng/câu	2	2	1